

SEAPRODEX DANANG

MỤC LỤC

I. Các nhân tố rủi ro.....	3
1. Rủi ro kinh tế	3
2. Rủi ro pháp luật.....	3
3. Rủi ro đặc thù.....	4
4. Rủi ro khác	4
II. Những người chịu trách nhiệm chính đối với nội dung Bản công bố thông tin..	5
1. Tổ chức đăng ký giao dịch.....	5
2. Tổ chức cam kết hỗ trợ	5
III. Các khái niệm	6
IV. Tình hình và đặc điểm của tổ chức đăng ký giao dịch	7
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	7
2. Cơ cấu tổ chức của Công ty	12
3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty	15
4. Danh sách cổ đông	21
5. Danh sách Công ty mẹ, Công ty con của tổ chức đăng ký giao dịch	22
6. Hoạt động kinh doanh.....	23
7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	25
8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác cùng ngành	27
9. Chính sách đối với người lao động.....	29
10. Chính sách cổ tức.....	31
11. Tình hình hoạt động tài chính	32
12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	38

13. Tài sản	53
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức các năm tiếp theo	55
15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa được thực hiện của tổ chức ĐKGD	58
16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan đến Công ty	58
V. Chứng khoán đăng ký giao dịch	59
1. Loại chứng khoán	59
2. Mệnh giá	59
3. Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch	59
4. Phương pháp tính giá	59
5. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	59
6. Các loại thuế có liên quan.....	59
VI. Các đối tác liên quan đến việc đăng ký giao dịch	61
1. Tổ chức đăng ký giao dịch.....	61
2. Tổ chức cam kết hỗ trợ	61
3. Tổ chức kiểm toán	61
VII. Phụ Lục	62

NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Cơn bão khủng hoảng kinh tế toàn cầu đã tác động trực tiếp đến nền kinh tế Việt Nam, nhất là trong lĩnh vực xuất khẩu buộc Ngành thủy sản Việt Nam nói chung và Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản miền Trung nói riêng phải đối mặt với nhiều rủi ro hơn. Phần lớn người tiêu dùng tiết kiệm chi tiêu và chuyển sang mua những mặt hàng giá rẻ. Bên cạnh đó, ngân hàng các nước cũng siết chặt tín dụng, gây khó khăn cho các nhà nhập khẩu trong việc mở L/C. Và sự biến động của tỷ giá hối đoái trên thị trường quốc tế sẽ tác động nhất định vào Công ty.

Với sự nỗ lực khắc phục khó khăn chung, Ngành thủy sản Việt Nam không ngừng phát triển. Năm 2008, xuất khẩu thủy sản của cả nước đạt trên 1,2 triệu tấn trị giá khoảng 4,5 tỷ USD, tăng 33,7% về khối lượng và 19,8% về giá trị, so với năm 2007. Còn 9 tháng đầu năm 2009 kim ngạch xuất khẩu hàng thủy sản của Việt Nam đạt khoảng 3 tỷ USD, dù giá trị xuất khẩu giảm hơn 5% so với cùng kỳ năm 2008, nhưng đây là một con số rất đáng mừng mà từ đầu năm ít ai có thể nghĩ tới trong bối cảnh suy thoái này.

2. Rủi ro về pháp luật

Ngành thủy sản Việt Nam đóng một vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế đất nước. Quy mô của Ngành thủy sản ngày càng mở rộng và vai trò của Ngành cũng tăng lên không ngừng trong nền kinh tế quốc dân. Chính vì thế, các hoạt động sản xuất kinh doanh của Ngành đã nhận được nhiều hỗ trợ từ chính phủ, thông qua luật doanh nghiệp, luật đầu tư, luật thuế GTGT, luật thuế TNDN, luật chứng khoán và các luật khác.

Tuy nhiên trong quá trình hội nhập WTO, chính phủ có sự thay đổi các luật trên để dần phù hợp, hoàn thiện hơn so với thông lệ quốc tế. Vấn đề đặt ra cho Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản miền Trung là phải có những chiến lược, kế hoạch phát triển

trung và dài hạn thích hợp với các thay đổi, điều đó có thể sẽ tác động đến tình hình và kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

3. **Rủi ro đặc thù**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản miền Trung hoạt động theo quy trình khép kín: sản xuất - chế biến - xuất khẩu nên doanh nghiệp có những rủi ro đặc thù như sau:

- *Rủi ro về nguyên liệu:* Nguồn nguyên liệu phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện thời tiết, nguồn nước, chất lượng con giống ... Nhưng trong những năm gần đây, lũ lụt đã thường xuyên xảy ra trong khu vực, làm ảnh hưởng đến nguồn nguyên liệu đầu vào của doanh nghiệp.
- *Rủi ro về thị trường xuất khẩu:* Đối với Ngành thủy sản Việt Nam, thị trường vừa là yếu tố quyết định đến khả năng tăng trưởng vừa gắn liền với các yếu tố rủi ro ngành. Thị trường xuất khẩu chính của Công ty là EU, Hàn Quốc, Nhật Bản, Mỹ ... Đây là những thị trường có nhiều biến động và khó tính. Những quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, các rào cản thương mại, phí thuế quan (kiện bán phá giá), ký quỹ ... là những nhân tố có thể ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.
- *Rủi ro tỷ giá hối đoái:* Hoạt động của công ty liên quan nhiều đến xuất nhập khẩu, nên sự biến động của tỷ giá hối đoái trên thị trường, chính sách tiền tệ của nhà nước, sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty .

4. **Rủi ro khác**

Ngoài các rủi ro đã nêu trên, còn có một số rủi ro mang tính bất khả kháng và khó dự đoán được do thiên tai gây ra như bão lụt, hỏa hoạn, sóng thần ... sẽ ảnh hưởng ít nhiều đến tình hình và kết quả sản xuất kinh doanh của Ngành xuất khẩu Thủy sản Việt Nam. Dù những rủi ro này ít xảy ra trên thực tế, song một khi xảy ra sẽ gây thiệt hại rất lớn không thể lường trước được.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. Tổ chức đăng ký giao dịch

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Ông: **TRẦN TẤN TÂM** Chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ông: **THÁI BÁ NAM** Chức vụ: Kế toán trưởng

Ông: **NGUYỄN ANH TUẤN** Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức cam kết hỗ trợ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÀ NẴNG

Đại diện theo pháp luật: Ông: **NGUYỄN TẤN TIÊU**

Chức vụ: Giám đốc khối Tư vấn tài chính doanh nghiệp

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ đăng ký giao dịch do công ty Cổ phần Chứng khoán Đà Nẵng tham gia lập trên cơ sở hợp đồng cam kết hỗ trợ với Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản miền Trung. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng, dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản miền Trung cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Công ty	Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản miền Trung
Cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản miền Trung
Điều lệ công ty	Điều lệ Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản miền Trung
XNK	Xuất nhập khẩu
Bản công bố thông tin / CBTT	Bản công bố thông tin của công ty về tình hình tài chính, hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư tham khảo.
TTCK	Thị trường chứng khoán
ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
BKS	Ban Kiểm soát
DNSC	Công ty cổ phần Chứng khoán Đà Nẵng
Giấy CNĐKKD	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh
BCTC	Báo cáo tài chính
CP	Cổ phần
VĐL	Vốn điều lệ
TSCĐ	Tài sản cố định
TSLĐ	Tài sản lưu động
DTT	Doanh thu thuần
LNST	Lợi nhuận sau thuế

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Giới thiệu Công ty

Tên đầy đủ	CTCP XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG
Tên tiếng Anh	DANANG SEAPRODUCTS IMPORT - EXPORT CORPORATION
Tên viết tắt	SEAPRODEX DANANG
Trụ sở chính	261 - 263 Phan Châu Trinh - Q.Hải Châu - Thành phố Đà Nẵng
Vốn điều lệ	75.600.000.000 đồng
Giấy CNĐKKD	0400100778 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 14 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 26 tháng 02 năm 2009
Điện thoại	0511.3 821 436 - 3 824 515
Fax	0511.3 823 769 - 3 824 778
Email	seadana@hn.vnn.vn
Website	www.seadanang.com.vn

1.2 Quá trình hình thành và phát triển



- Lịch sử hình thành và phát triển:

Vào đầu những năm 1980, trong bối cảnh Nhà Nước thử nghiệm cơ chế mới “tự cân đối - tự trang trải”, cùng với nhu cầu khách quan về phát triển kinh tế thủy sản khu vực Miền Trung, ngày 26 tháng 2 năm 1983, Chi nhánh Xuất Khẩu Thủy Sản Đà Nẵng, tiền thân của Công ty XNK Thủy Sản Miền Trung được thành lập, thay thế cho Trạm tiếp nhận Thủy sản Đà Nẵng, xây dựng mô hình làm ăn mới.

Công ty XNK Thủy Sản Miền Trung được thành lập theo quyết định số 242/TS-QĐ ngày 31/3/1993 của Bộ Thủy Sản, là doanh nghiệp nhà nước, hạch toán độc lập, thành lập và tổ chức hoạt động kinh doanh về thủy sản, phục vụ sản xuất kinh doanh thủy sản và các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật. Công ty có quyền tự chủ kinh doanh, tự chủ về tài chính.

Nguyên tắc hoạt động kinh doanh của công ty, là gắn thương mại với sản xuất, gắn kinh tế với chính trị xã hội, không ngừng tạo thế và lực cho mình, mà nội dung cơ bản là tạo vốn, cơ sở vật chất, tạo uy tín; xây dựng đội ngũ quản lý, cán bộ nghiệp vụ kỹ thuật và công nhân lành nghề tận tâm, tận lực vì sự phát triển của công ty; linh hoạt thích nghi để hội tụ bạn hàng, đảm bảo hài hoà lợi ích.

Thực hiện chủ trương của Nhà Nước về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp, Seaprodex Danang không thuộc diện giữ lại là doanh nghiệp Nhà Nước nên Bộ Thủy Sản đã có quyết định số 1226/QĐ-BTS ngày 21/10/2005 về việc cổ phần hoá và thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hóa.

Ngày 09/12/2006, Công ty đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thành lập Công ty cổ phần XNK Thủy sản Miền Trung, và ngày 01/01/2007, Công ty cổ phần XNK Thủy sản Miền Trung chính thức hoạt động với vốn điều lệ 55.000.000.000 đồng.

Do mới hoạt động theo phương thức cổ phần hóa nên Công ty gặp khó khăn về vốn hoạt động, vốn điều lệ của Công ty chủ yếu sử dụng đầu tư tài sản cố định. Nhằm giảm bớt áp lực lãi vay vốn lưu động phục vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh, vì vậy ngày 12/04/2008 Công ty tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ, ngày 05/05/2008 Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Xuất

nhập khẩu Thủy sản Miền Trung đã ra **Nghị quyết số 07/NQ-HĐQT** về việc thông qua phương án phát hành tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ của Công ty sau quá trình tăng vốn là 75.600.000.000 đồng.

SEAPRODEX DANANG là nhà sản xuất - chế biến - xuất khẩu thủy sản chuyên nghiệp tại Việt Nam. An toàn vệ sinh thực phẩm, khả năng truy xuất nguồn gốc sản phẩm là những vấn đề được công ty đặt lên hàng đầu. Hoạt động của công ty khép kín trong chuỗi giá trị: từ sản xuất thức ăn nuôi thủy sản đến chế biến - dịch vụ kho vận - xuất khẩu thủy sản. Các sản phẩm thủy sản của Công ty đều đáp ứng được các tiêu chuẩn chất lượng của các thị trường trên thế giới.

- *Danh hiệu đạt được trong 26 năm vừa qua:*
 - Danh hiệu anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới (2000);
 - Huân chương lao động hạng nhất (2003), hạng nhì (1998), hạng ba (1992);
 - Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín (2004-2007) do Bộ Thương mại xét chọn;
 - Là một trong 200 doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam đã được tổ chức UNDP công nhận năm 2007;
 - Được xếp hạng là một trong 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500) do báo Vietnamnet bình chọn;
 - Đạt giải thương hiệu mạnh Việt Nam do Thời báo kinh tế Việt Nam bình chọn ...

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400100778 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 14 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 26 tháng 02 năm 2009, ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm :

- Mua bán thủy, hải sản. Chế biến thủy, hải sản xuất khẩu.

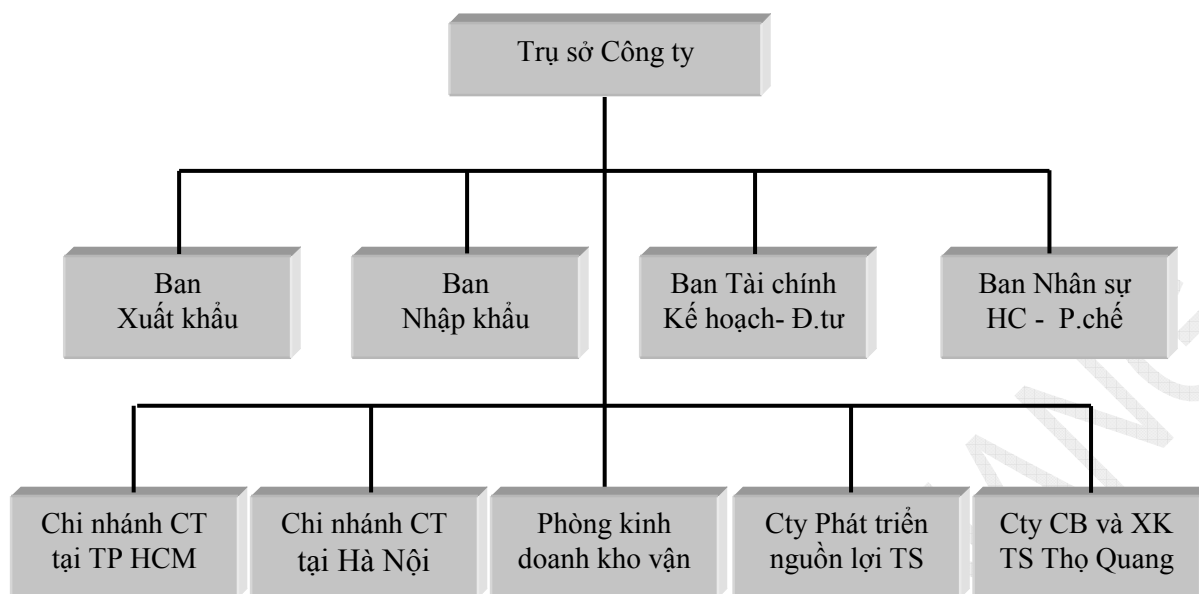
- Sản xuất thức ăn nuôi tôm, cá, gia cầm, gia súc; dịch vụ các loại sản phẩm, vật, thuốc, hoá chất cho ngành nuôi trồng thủy sản. Cung ứng vật tư cho ngành thủy sản.
- Bán buôn, bán lẻ các mặt hàng nông, lâm, thủy hải sản, đặc sản, thực phẩm, hàng tiêu dùng.
- Đầu tư tài chính, kinh doanh bất động sản, kinh doanh nhà hàng, cho thuê nhà và văn phòng.
- Dịch vụ cho thuê kho, dịch vụ vận chuyển hàng hoá. Kinh doanh vật liệu xây dựng, hóa chất độc hại và sản phẩm có hóa chất độc hại, các mặt hàng thiết bị điện, điện tử, điện lạnh.
- Kinh doanh xe ô tô và xe máy các loại.
- Mua, bán thuốc bảo vệ thực vật.

HÌNH ẢNH MỘT SỐ SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY

SẢN PHẨM	HÌNH ẢNH
----------	----------

Sản phẩm chế biến và xuất khẩu - Tôm - Mực - Cá	
Sản xuất thức ăn nuôi thủy sản	
Vật tư nhập khẩu	

2. Cơ cấu tổ chức Công ty



Hình 1: Sơ đồ Cơ cấu tổ chức của Công ty

▪ **Trụ sở của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung**

- Địa chỉ : 261- 263 Phan Châu Trinh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
- Điện thoại : 0511.3 821 436 - 3 824 515
- Fax : 0511.3 823 769 - 3 824 778
- Email : seadana@hn.vnn.vn
- Website : www.seadanang.com.vn
- Tại trụ sở Công ty có Ban Nhập khẩu, Ban Xuất khẩu, Ban Tài chính - Kế hoạch đầu tư, Ban Nhân sự - Hành chính - Pháp chế.

▪ **Công ty chế biến và xuất khẩu thủy sản Thọ Quang**

- Địa chỉ: Khu công nghiệp Đà Nẵng, Phường Thọ Quang, Q.Sơn Trà, TP.Đà Nẵng
- Diện tích nhà xưởng khoảng 5.000 m²
- Số nhân viên: 750 nhân viên

- Thiết bị: Tủ cấp đông tiếp xúc: 500 kg/h; Tủ đông gió: 500 kg/h; Hệ thống hấp IQF: 500 kg/h; Máy đá vảy: 10 tấn/ngày; Máy đá cây: 15 tấn/ngày; Kho lạnh: 300 tấn; Máy đóng gói chân không; Máy dò kim loại; và các thiết bị được đầu tư trong dự án mở rộng nhà máy Thọ Quang giai đoạn 3.
- Sản phẩm chính: Tôm tẩm bột, Tôm Nobashi, Tôm tẩm gia vị, Tôm xiên que, Tôm Sushi Ebi, Mực Sashimi, Mực Sushi, Mực ống cắt, Cá tẩm bột, Cá xiên que.
- Thị trường chính: Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Hồng Kông...

▪ **Công ty phát triển nguồn lợi thủy sản**

- Địa chỉ: Lô 7A - Khu công nghiệp Điện Nam Điện Ngọc - Quảng Nam - Việt Nam
- Các sản phẩm chính của Công ty như thức ăn nuôi tôm sú KP-90, Phương Đông, Phát Lợi, Powerfeed, Thai one, Sumo, Nutri Feed, Nupos 200; thức ăn nuôi tôm Càng xanh, thuốc diệt cá Sapotech...
- Công ty Phát triển Nguồn lợi Thủy Sản là thành viên của Công ty Cổ phần XNK Thủy Sản Miền Trung (SeaproDEX Danang) thuộc Bộ Thủy Sản, ra đời năm 1989. Chức năng chính của Công ty là sản xuất thức ăn tôm, cá và thực hiện các dịch vụ kỹ thuật, vật tư cho nghề nuôi trồng thủy sản.
- Cùng với sự phát triển của nghề nuôi thủy sản tại Việt Nam, chất lượng sản phẩm thức ăn nuôi thủy sản và các dịch vụ của Công ty ngày càng được nâng cao và hoàn thiện. Công suất sản xuất thức ăn nuôi tôm là 10.000 tấn/năm, công suất sản xuất thức ăn nuôi cá là 12.000 tấn/năm, góp phần thúc đẩy nghề nuôi thủy sản Việt Nam phát triển.
- Công ty Phát triển Nguồn lợi Thủy sản - Đơn vị sản xuất thức ăn nuôi thủy sản đầu tiên tại Việt Nam được Tổ chức quốc tế BVQI (Vương Quốc Anh) công nhận đạt hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001-2000.

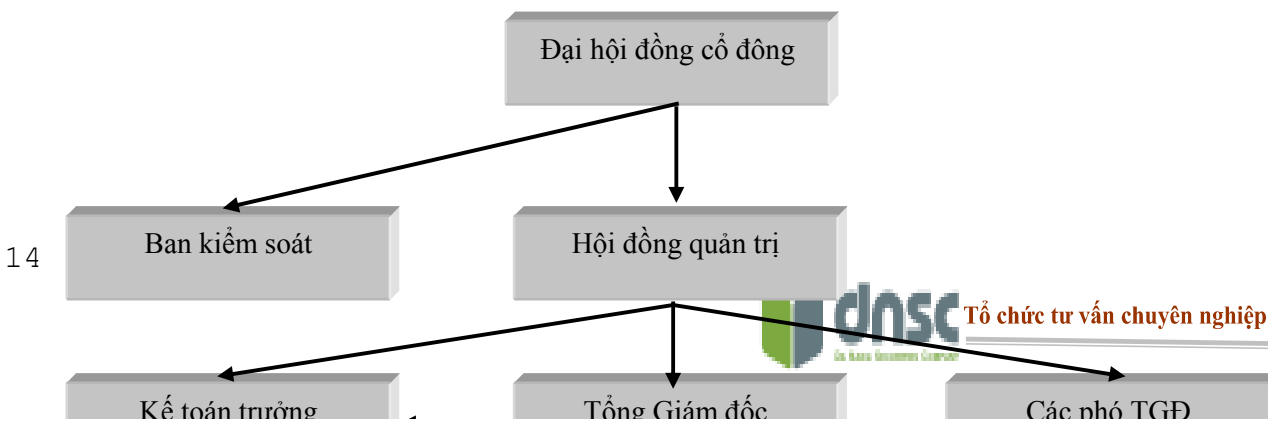
▪ **Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh**

- Địa chỉ: 166 Nguyễn Công Trứ, P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP. Hồ Chí Minh
- Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh hoạt động với qui mô của một Công ty thương mại: kinh doanh vật tư nhập khẩu; kinh doanh xuất khẩu thủy sản và các hàng hóa khác. Kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng năm của Chi nhánh đạt khoảng 43 triệu USD.

▪ **Chi nhánh Công ty tại Hà Nội**

- Địa chỉ: 645/3 Kim Ngưu, Phường Vĩnh Tuy, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Kinh doanh vật tư nhập khẩu là hoạt động chính của Chi nhánh tại Hà Nội, tập trung đáp ứng nhu cầu của khách hàng tại khu vực phía Bắc Việt Nam. Các mặt hàng kinh doanh chính gồm có: hạt nhựa các loại, giấy các loại, sắt thép các loại, thiết bị văn phòng, hóa chất các loại, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất, ...

3. **Cơ cấu Bộ máy quản lý của Công ty**



Hình 2: Sơ đồ Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

▪ **Đại hội đồng Cổ đông**

Theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền bỏ phiếu hoặc người được cổ đông uỷ quyền. ĐHĐCĐ có các quyền sau:

- Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của BKS, của HĐQT và của các kiểm toán viên;
- Quyết định số lượng thành viên của HĐQT;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT và BKS; phê chuẩn việc HĐQT bổ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

▪ **Hội đồng Quản trị**

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty, có đầy đủ quyền hạn để thay mặt Công ty quyết định các vấn đề liên quan đến mục tiêu và lợi ích của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc quyền hạn của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra. Cơ cấu Hội đồng Quản trị hiện tại như sau:

- Ông **Trần Tấn Tâm** - Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Ông **Lê Hồng Sơn** - Ủy viên Hội đồng Quản trị
- Ông **Thái Bá Nam** - Ủy viên Hội đồng Quản trị
- Ông **Lý Tiết Dũng** - Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- Ông **Nguyễn Duy Dũng** - Ủy viên Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban tổng giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty trình ĐHĐCĐ;
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

▪ **Ban kiểm soát**

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, gồm 3 thành viên. Cơ cấu Ban Kiểm soát hiện tại của công ty như sau:

- Ông **Nguyễn Anh Tuấn** - Trưởng Ban Kiểm soát
- Ông **Trần Phước Thái** - Ủy viên Ban Kiểm soát
- Ông **Lê Công Tòng** - Ủy viên Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. BKS chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền và nghĩa vụ của Ban:

- Kiểm tra sổ sách kế toán và các báo cáo tài chính của Công ty, kiểm tra tính hợp lý hợp pháp của các hoạt động sản xuất kinh doanh và tài chính Công ty, kiểm tra việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT;
- Trình ĐHĐCĐ báo cáo thẩm tra các báo cáo tài chính của Công ty, đồng thời có quyền trình bày ý kiến độc lập của mình về kết quả thẩm tra các vấn đề liên quan tới hoạt động kinh doanh, hoạt động của HĐQT và Ban Giám đốc;
- Yêu cầu HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong trường hợp xét thấy cần thiết;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

▪ Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc bao gồm Tổng giám đốc và các phó Tổng giám đốc, do HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty và là người điều hành cao nhất mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty. Cơ cấu Ban Tổng Giám đốc hiện tại như sau:

- Ông **Trần Tấn Tâm** - Tổng Giám đốc
- Ông **Lê Hồng Sơn** - Phó Tổng Giám đốc

- Ông **Nguyễn Duy Dũng** - Phó Tổng Giám đốc
- Ông **Nguyễn Danh Uy** - Phó Tổng Giám đốc

Nhiệm vụ của Ban Tổng giám đốc:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết, quyết định của HĐQT, nghị quyết của ĐHĐCĐ, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật;
 - Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty;
 - Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng kỷ luật đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc xí nghiệp, Trưởng, Phó Phòng, Ban, Đơn vị trưởng;
 - Ký kết, thực hiện các hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự theo quy định của pháp luật;
 - Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
 - Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
 - Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.
- **Kế toán trưởng Công ty:**
- Kế toán trưởng là người giúp việc cho Giám đốc Công ty, do Giám đốc Công ty đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, và trực tiếp giữ chức vụ Trưởng Ban Tài chính - Kế hoạch – Đầu tư công ty.

- Thực hiện các quy định của pháp luật về kế toán, tài chính. Tổ chức điều hành bộ máy kế toán theo quy định của Luật kế toán.

▪ **Ban Nhân sự - Hành chính - Pháp chế :**

Là bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ trực thuộc Công ty CP XNK Thủy sản miền Trung có chức năng tham mưu cho Lãnh đạo Công ty trong lĩnh vực tổ chức bộ máy, cơ chế quản lý - điều hành, quản lý nhân sự - lao động - tiền lương, công tác nội chính, công tác hành chính - quản trị, văn hóa - xã hội, thi đua - khen thưởng và thực hiện các chính sách, chế độ cho người lao động trong đơn vị theo quy định của Nhà nước nhằm phục vụ các hoạt động quản lý, điều hành của Ban lãnh đạo và đảm bảo mọi hoạt động bình thường của Công ty.

▪ **Ban Tài chính - Kế hoạch - Đầu tư:**

Là bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ trực thuộc Công ty CP XNK Thủy sản miền Trung có chức năng tham mưu cho Lãnh đạo Công ty trong việc nghiên cứu và xây dựng định hướng, chiến lược về sản xuất kinh doanh, về tài chính, về tổ chức bộ máy kế toán, hạch toán và các chương trình hoạt động, chương trình đầu tư theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị, về cơ chế, chính sách có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời hướng dẫn các Chi nhánh - đơn vị phụ thuộc Công ty thực hiện công tác kế toán - hạch toán theo quy định của pháp luật và theo sự phân cấp của Tổng Giám đốc Công ty.

▪ **Ban Nhập khẩu và kinh doanh vật tư:**

Là bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ trực thuộc Công ty CP XNK Thủy sản miền Trung có chức năng tham mưu cho Lãnh đạo Công ty trong việc nghiên cứu và xây dựng định hướng, chiến lược về hoạt động kinh doanh nhập khẩu vật tư, thiết bị, hàng hóa, về công tác thị trường, giá cả, phương thức thanh toán, về cơ chế, chính sách có liên quan đến hoạt động kinh doanh XNK của Công ty, đồng thời tổ chức kinh doanh nhập khẩu, mua bán hàng hóa theo sự phân cấp của Tổng Giám đốc Công ty.

▪ **Ban Xuất khẩu :**

Là bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ trực thuộc Công ty CP XNK Thủy sản miền Trung có chức năng tham mưu cho Lãnh đạo Công ty trong việc nghiên cứu và xây dựng định hướng, chiến lược và hoạt động kinh doanh xuất khẩu thủy sản, về công tác thị trường, giá cả, phương thức thanh toán, về cơ chế, chính sách có liên quan đến hoạt động kinh doanh XNK của Công ty, đồng thời tổ chức kinh doanh thủy sản xuất khẩu theo sự phân cấp của Tổng Giám đốc Công ty.

▪ **Phòng Kinh doanh Kho vận & Dịch vụ :**

Là bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ trực thuộc Công ty CP XNK Thủy sản miền Trung có chức năng tham mưu cho Lãnh đạo Công ty trong việc nghiên cứu và xây dựng định hướng hoạt động kinh doanh kho vận và dịch vụ theo ngành nghề kinh doanh của Công ty, đồng thời tổ chức kinh doanh cho thuê kho lạnh, dịch vụ vận chuyển hàng hóa, dịch vụ cấp đông theo sự phân cấp của Tổng Giám đốc Công ty.

4. **Danh sách cổ đông**

4.1 **Danh sách Cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty**

Có 01 cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần.

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%)
1	Tổng công ty Thủy	2-4-6 Đồng Khởi,	4.100.654	54,24

sản Việt Nam	Thành phố Hồ Chí Minh		
--------------	-----------------------	--	--

(Nguồn: Sổ theo dõi cổ đông của Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản miền Trung cho đến thời điểm 10/12/2009).

4.2 Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Cổ đông sáng lập	Địa chỉ	Số cổ phần phổ thông (CP)	Vốn góp (nghìn đồng)	Tỷ trọng vốn góp (%)
1. Ông Trần Tấn Tâm (Đại diện phần vốn góp Nhà nước)	80 Trần Quốc Toản, Q.Hải Châu, Đà Nẵng	1.845.294	18.452.940	24,40%
2. Ông Thái Bá Nam (Đại diện phần vốn góp Nhà nước)	Lô 29B2 đường 2/9, Q.Hải Châu, Đà Nẵng	1.127.680	11.276.800	14,92%
3. Ông Lê Hồng Sơn (Đại diện phần vốn góp Nhà nước)	76 Hải Phòng, Q.Hải Châu, Đà Nẵng	1.127.680	11.276.800	14,92%
TỔNG CỘNG :		4.100.654	41.006.540	54,24 %

(Nguồn : Theo Giấy CNĐKKD số 0400100778 đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 26/02/2009 do Sở Kế hoạch đầu tư Tp. Đà Nẵng cấp).

4.3 Cơ cấu cổ đông

Bảng 3: Bảng cơ cấu cổ đông Công ty cho đến 10/12/2009

STT	Họ và tên cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Giá trị vốn cổ phần (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)
	TỔNG SỐ CỔ PHẦN	7.560.000	75.600.000.000	
1	Cổ đông trong nước	7.525.000	75.250.000.000	99,54
	Cổ đông nhà nước	4.100.654	41.006.540.000	54,24
	Cổ đông là người lao động Công ty	1.040.220	10.402.200.000	13,76
	- Cổ đông nội bộ	486.775	4.867.750.000	6,44

	- Cán bộ công nhân viên	553.445	5.534.450.000	7,32
	Cổ đông bên ngoài Công ty	2.384.126	23.841.260.000	31,54
	- Cá nhân	1.944.731	19.447.310.000	25,72
	- Tổ chức	439.395	4.393.950.000	5,81
2	Cổ đông nước ngoài	35.000	350.000.000	0,46

(Nguồn: Sổ theo dõi cổ đông của công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản miền Trung cho đến thời điểm 10/12/2009).

5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức đăng ký giao dịch, những Công ty mà tổ chức giao dịch đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký giao dịch

Công ty mẹ: Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam

- Địa chỉ : 2-4-6 Đồng Khởi, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Ngành nghề kinh doanh: Nông sản – Thủy sản – Thực phẩm.
- Website : www.seaprodexvn.com
- Số chứng nhận đăng ký kinh doanh: **4106000256** do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/08/2006.
- Số lượng cổ phần đã mua: 4.100.654 cổ phần, chiếm 54,24% vốn điều lệ. Tổng Công ty Thủy sản Miền Trung đã ủy quyền nắm giữ cổ phần cho:
 - o Ông, Trần Tấn Tâm: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty nắm giữ 1.845.294 cổ phần, chiếm 24,40% vốn điều lệ.
 - o Ông, Lê Hồng Sơn: Phó Tổng Giám đốc Công ty nắm giữ 1.127.680 cổ phần, chiếm 14,92% vốn điều lệ.
 - o Ông, Thái Bá Nam: Kế toán trưởng Công ty nắm giữ 1.127.680 cổ phần, chiếm 15,92% vốn điều lệ.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Doanh thu và lợi nhuận các sản phẩm, dịch vụ chính năm 2008 và 09 tháng đầu năm 2009

- Doanh thu sản phẩm dịch vụ qua năm 2008 và 9 tháng đầu năm 2009

Bảng 4: Doanh thu sản phẩm dịch vụ của Công ty năm 2008 và 9 tháng đầu năm 2009

Sản phẩm	Năm 2008		9 tháng đầu năm 2009	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng(%)
Doanh thu hải sản	286.392.633.586	16,03%	212.098.372.246	18,92%
DT kinh doanh vật tư nhập khẩu	1.457.144.948.008	81,58%	751.070.510.490	66,11%
Doanh thu bán thức ăn nuôi tôm và gia công thức ăn cá	34.424.526.910	1,93%	30.219.264.313	6,76%
Doanh thu khác	8.239.745.718	0,46%	9.616.975.461	8,21%
Tổng cộng	1.786.201.854.222	100%	1.003.005.122.510	100%

(Nguồn: Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản miền Trung).

- Lợi nhuận gộp sản phẩm, dịch vụ qua năm 2008 và 9 tháng đầu năm 2009

Bảng 5: Lợi nhuận gộp sản phẩm dịch vụ của Công ty năm 2008 và 9 tháng đầu năm 2009

Sản phẩm	Năm 2008		9 tháng đầu năm 2009	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Lợi nhuận hải sản	18.994.951.746	21,15%	15.501.171.511	17,11%
Lợi nhuận vật tư nhập khẩu	66.387.253.393	74,88%	59.028.967.769	65,15%
Lợi nhuận bán thức ăn nuôi tôm và gia công thức ăn cá	6.792.896.772	3,01%	6.461.437.507	7,13%
Lợi nhuận khác	8.239.745.718	0,96%	9.616.975.461	10,61%
Tổng cộng	100.414.847.629	100%	90.608.552.248	100%

(Nguồn: Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản miền Trung)

6.2 Kế hoạch phát triển kinh doanh

- Qua Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009, Công ty đưa ra kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2009 với :
 - Tổng doanh thu đạt 1.150 tỷ đồng.
 - Tổng kim ngạch XNK năm 2009 là 62 triệu USD

- Lợi nhuận trước thuế : 12 tỷ đồng.
- Dự phòng công nợ phải thu khó đòi là 5 tỷ đồng.
- Dự kiến mức chia cổ tức là 6%/năm
- Thu nhập của người lao động năm 2009 tăng 5% so với năm 2008 (tức đạt 2.200.000 đồng/người/tháng).
- Kế hoạch đầu tư của Công ty để đạt mục tiêu trên :
 - Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, tham gia trực tiếp các hội chợ quốc tế chuyên ngành để thực hiện công tác marketing, nắm bắt thông tin thị trường, thiết lập thêm những quan hệ mới, từng bước khẳng định uy tín thương hiệu và hình ảnh của Công ty.
 - Xác định thị trường Nhật và tôm thẻ là khách hàng và mặt hàng chủ lực của Công ty để sẵn sàng đáp ứng các yêu cầu của khách hàng về điều kiện sản xuất, quản lý hồ sơ, sản lượng, thời gian giao hàng, chứng từ, đặc biệt là các điều kiện về ATVSTP.
 - Tập trung sản xuất và nâng cao chất lượng các sản phẩm chủ lực là Power Feed, Nutri Feed và Càng Xanh, nâng cao sức cạnh tranh đối với dòng tôm sú quảng canh. Huy động mọi nguồn lực để đưa sản phẩm thức ăn cá ra thị trường.
 - Tích cực tìm kiếm khách hàng mới, làm tốt công tác thị trường, linh hoạt trong mức giá để thu hút nguồn hàng, khai thác tối đa công suất kho lạnh và hầm đông kho vào thời điểm mùa vụ để ổn định sản lượng lưu kho.
 - Tăng cường hợp tác chặt chẽ với Proconco, hình thành mối quan hệ kinh doanh bình đẳng cùng có lợi, mang tính ổn định, lâu dài và phát huy hiệu quả hoạt động gia công.

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm liền trước năm đăng ký giao dịch :

- Kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất và 9 tháng đầu năm 2009:

Bảng 6: Các chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2007, 2008 và 09 tháng đầu năm 2009

Chỉ tiêu	Năm tài chính 2007	Năm tài chính 2008	% tăng (+) giảm (-)	9 tháng đầu năm 2009
Tổng giá trị tài sản	530.005.936.256	476.429.161.824	- 10,11%	565.598.691.851
Doanh thu thuần	1.220.506.678.514	1.786.201.854.222	46,35%	1.003.005.122.510
Lợi nhuận từ HĐKD	6.947.805.936	8.683.823.357	24,99%	6.341.715.675
Lợi nhuận khác	195.546.352	360.786.219	84,54%	1.225.005.106
Lợi nhuận trước thuế	7.143.352.288	9.044.609.576	26,63%	7.566.717.781
Lợi nhuận sau thuế	7.143.352.288	9.044.609.576	26,63%	7.566.717.781
Tỷ lệ LN trả cổ tức (%)	73,51	64,61	-12,11%	

(Nguồn : Báo cáo tài chính kiểm toán Công ty năm 2007,2008 và quý I, II, III năm 2009).

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

▪ Yếu tố thuận lợi :

- Công ty có trụ sở chính nằm ở vùng có lợi thế về thủy sản đánh bắt.
- Điều kiện sản xuất đảm bảo, vì thế công ty đạt được những điều kiện để xuất khẩu thủy sản vào thị trường Châu Âu (EU).
- Lực lượng công nhân có trình độ tay nghề cao.
- Có khả năng tài chính tương đối mạnh, có sự kết hợp giữa sản xuất thức ăn nuôi thủy sản, sản xuất chế biến thủy sản xuất khẩu và hoạt động kinh doanh nhập khẩu là một ưu thế cạnh tranh lớn chỉ có ở một số rất ít doanh nghiệp.

- Có uy tín và kinh nghiệm trong ngành thủy sản, có khách hàng và thị phần ổn định tại các thị trường chính EU, Nhật, Mỹ và các thị trường khác.
 - Cơ chế quản lý năng động giúp Công ty sử dụng có hiệu quả vốn, tài sản của doanh nghiệp.
 - Đầu tư máy móc thiết bị tương đối đầy đủ, hiện đại, đáp ứng kịp thời yêu cầu nâng sản lượng và chất lượng sản phẩm.
- ***Yếu tố khó khăn :***
- Do tính chất của ngành nên nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất phụ thuộc nhiều vào thời vụ, dễ bị biến động khi thời tiết khí hậu thay đổi.
 - Các nước nhập khẩu đặt ra các yêu cầu ngày càng nghiêm ngặt hơn về vệ sinh an toàn thực phẩm.
 - Việc sử dụng kháng sinh hoá chất bị cấm trong nghề nuôi trồng thủy, hải sản còn diễn biến phức tạp.
 - Một số vật tư phụ tăng giá kéo theo chi phí sản xuất đầu vào tăng.
 - Tình hình cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cùng ngành ngày càng gay gắt. Tính cạnh tranh trong thu mua, chế biến thủy sản rất gay gắt tạo xu hướng giảm tỷ suất lợi nhuận.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1. Vị thế của Công ty trong ngành

Với kim ngạch xuất nhập khẩu hàng năm trên 70 triệu USD, doanh thu trên 1.200 tỷ đồng, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung - SeaproDEX Danang là một trong những đơn vị mạnh trong lĩnh vực chế biến - kinh doanh - xuất nhập khẩu của Việt Nam.

Uy tín và vị thế thương hiệu của SeaproDEX Danang ngày càng được khẳng định đối với thị trường trong nước và quốc tế. Năm 2007, SeaproDEX Danang đã được tổ chức UNDP công nhận là một trong 200 doanh nghiệp hàng đầu của Việt Nam; được xếp hạng là một trong 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam (VNR500) do báo Vietnamnet bình chọn; đạt giải thương hiệu mạnh Việt Nam do Thời báo kinh tế Việt Nam bình chọn và là năm thứ tư liên tiếp đạt danh hiệu “doanh nghiệp xuất khẩu uy tín” do Bộ Công Thương xét chọn.

8.2 Triển vọng phát triển của ngành

Năm 2007, Việt Nam gia nhập WTO đã mang lại nhiều cơ hội phát triển cho ngành thủy sản như: các sản phẩm thủy sản thâm nhập sâu rộng hơn vào thị trường thế giới, sự ưu đãi hơn về thuế quan, xuất xứ hàng hóa, hàng rào phi thuế quan và những lợi ích về đối xử công bằng, bình đẳng ... sẽ tạo điều kiện để hàng thủy sản Việt Nam có khả năng cạnh tranh hơn trên thị trường thế giới.

Theo dự báo phát triển xuất khẩu thủy sản của FAO, sự tăng trưởng dân số, cũng như sự xuất hiện những căn bệnh ở gia cầm, gia súc... khiến cho xu hướng chuyển sang ăn thức ăn từ thủy sản tăng, mức tiêu thụ thủy sản sẽ tăng từ 17-19 kg/người/năm, nhu cầu thực phẩm thủy sản thế giới ở mức 121 triệu tấn vào năm 2010.

Nhờ những đặc tính như hương vị thơm ngon, chủng loại phong phú, chất lượng, độ an toàn cao, hàng thủy sản Việt Nam có khả năng cạnh tranh trên thị trường thế giới, trở thành một trong những nước xuất khẩu thủy sản hàng đầu thế giới. Tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta trong thời gian tới sẽ mang lại cho Ngành thủy sản những ưu đãi hơn về thuế quan. Theo chương trình phát triển xuất khẩu thủy sản đến năm 2010 và tầm nhìn 2020 của Bộ Thủy sản, Ngành thủy sản phấn đấu đến năm 2010 đạt giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản 4 tỷ USD, phấn đấu nâng cao năng lực cạnh tranh sánh ngang với các nước đang phát triển, đưa thủy sản tiếp tục là ngành kinh tế mũi nhọn và là một trong những ngành hàng xuất khẩu chủ lực của cả nước.

Với nhu cầu thực phẩm thủy sản thế giới tăng cao như dự báo, định hướng phát triển của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Miền Trung trong các năm tới hoàn toàn phù hợp với triển vọng phát triển chung của Ngành thủy sản Việt Nam.

8.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới

Ngay từ những ngày đầu hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần, Công ty đã xác định :

- SeaproDEX Danang muốn hướng đến việc xây dựng một Công ty kinh doanh đa lĩnh vực, có khả năng mang lại giá trị tốt nhất cho khách hàng, đảm bảo quyền lợi của các đối tác thông qua khả năng sinh lợi cao và uy tín Công ty ngày càng vững chắc, mang lại cuộc sống ngày càng được nâng cao và niềm tự hào cho mỗi người lao động trong Công ty.
- SeaproDEX Danang trân trọng và quan tâm đến mỗi khách hàng, mỗi đối tác thông qua việc tạo lập một hệ thống hoạt động năng động - chuyên nghiệp - hiệu quả, một môi trường làm việc thân thiện, văn hóa, nhằm nâng cao mức độ hài lòng của khách hàng, của đối tác với sự hoàn thiện liên tục những tiêu chuẩn chất lượng về hệ thống, về nguồn lực và sản phẩm.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản miền Trung tin tưởng rằng, định hướng phát triển của Công ty về lĩnh vực Xuất nhập khẩu Thủy sản là phù hợp với xu hướng của nền kinh tế, thị trường tiêu thụ sản phẩm của Công ty ngày càng mở rộng và tăng nhanh, trong thời gian tới.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Số người lao động trong Công ty

Tổng số lao động của công ty tại thời điểm 30/09/2009 là 1.015, cơ cấu người lao động được phân bổ như sau:

Bảng 7: Phân loại lao động trong Công ty cho đến 30/09/2009

Trình độ	Số lượng	Tỷ lệ %
Trên đại học	3	0,29
Đại học, cao đẳng	145	14,29
Trung cấp chuyên nghiệp	121	11,92
Công nhân kỹ thuật	466	45,91
Lao động phổ thông	280	27,59
Tổng cộng	1.015	100

(Nguồn: Theo báo cáo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản miền Trung).

9.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

- Chính sách tuyển dụng và đào tạo:

Các phòng ban trong công ty căn cứ vào nhu cầu tuyển dụng, đề xuất lên Phòng Tổ chức - Nhân sự - Hành chính. Phòng Tổ chức tập hợp nhu cầu tuyển dụng của các đơn vị và trình lên Ban Tổng Giám đốc phê duyệt. Sau khi nhận được sự chấp thuận của Ban Tổng Giám đốc, Phòng Tổ chức tiến hành thu thập hồ sơ xin việc, xem xét hồ sơ và tiến hành phỏng vấn, thi viết và lựa chọn.

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong sự phát triển của Công ty, Công ty đặc biệt chú trọng tới việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực như :

- *Đào tạo bên trong*: Được tổ chức tại Công ty; Hình thức đào tạo: ngắn hạn và tập trung; Nội dung đào tạo: nâng bậc tay nghề, quản lý sản xuất, quản lý chất lượng; Đối tượng đào tạo: KCS, cán bộ từ tổ phó trở lên, công nhân.
- *Đào tạo bên ngoài*: Gửi đi đào tạo tại các trường Đại học, Cao đẳng và Trung học chuyên nghiệp; Hình thức đào tạo: dài hạn, ngắn hạn; Nội dung đào tạo: chế biến thủy sản, tài chính kế toán, quản trị kinh doanh, quản lý chất lượng; Đối tượng đào tạo: Cán bộ quản lý, NV các phòng ban, KCS. Toàn bộ kinh phí đào tạo do Công ty đài thọ.

- Đến nay hầu hết cán bộ quản lý tại các phòng ban, phân xưởng đều đã học qua các khóa bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Việc đào tạo được tiến hành kết hợp song song với việc tích cực áp dụng hệ thống quản lý chất lượng HACCP, ISO 9001:2000.
- Chính sách lương, thưởng :

Công ty coi chính sách lương là đòn bẩy kinh tế đối với người lao động. Nguồn thu chính, chủ yếu của người lao động trong Công ty là từ lương và thưởng từ quỹ lương.

 - Tiền lương: Được trả trực tiếp cho người lao động, gồm:
 - + Công nhân trực tiếp sản xuất: Được trả lương theo sản phẩm làm ra.
 - + Cán bộ quản lý, NV văn phòng: Được trả lương theo hệ số do Công ty ban hành.
 - Chế độ ngoài lương chính:
 - + Làm thêm giờ, làm thêm ngày chủ nhật, lễ v.v...: theo Luật Lao động
 - + Tiền ăn giữa ca
 - + Nghỉ phép
 - Thưởng:
 - + Thưởng năm: Người lao động được thưởng 1 lần vào cuối năm
 - + Thưởng đột xuất: Áp dụng đối với các trường hợp có thành tích xuất sắc đột xuất trong sáng kiến cải tiến kỹ thuật, tiết kiệm. Mức thưởng căn cứ vào thành tích và hiệu quả mang lại.

10. Chính sách cổ tức

Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định về chi trả cổ tức trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty: Hạch toán, phân phối lợi nhuận và lập quỹ. Mức cổ tức hằng năm được chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty, do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên cơ sở đề xuất của HĐQT, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới. Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà nước theo qui định của pháp luật.

Cổ đông sẽ được chia cổ tức tương ứng với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của ĐHCĐ.

Tỷ lệ cổ tức năm 2007, 2008 là hai năm đầu tiên công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần là 10%. Tỷ lệ cổ tức cho các năm sắp tới dự kiến duy trì trong khoảng 12% đến 15%/năm.

Bảng 8: Tỷ lệ cổ tức và EPS của Công ty năm 2008

Chỉ tiêu	Năm tài chính 2007	Năm tài chính 2008
Tỷ lệ chi trả cổ tức (trên vốn điều lệ)	10%	10%
Thu nhập trên mỗi cổ phiếu (EPS) (đồng/CP)	1.299	1.546

(Nguồn: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2009).

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản (năm 2007 và năm 2008)

▪ Trích khấu hao TSCĐ

Chi phí khấu hao tài sản cố định của Công ty được trích phù hợp với quy định của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau :

Phương pháp khấu hao áp dụng:

- Nguyên giá tài sản cố định được phản ánh theo giá gốc.
- Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao phù hợp với Quyết định số 206/2003/QĐ/BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính. Mức trích khấu hao cụ thể như sau :

Loại tài sản	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị công tác	Thiết bị văn phòng, dụng cụ quản lý	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn
Thời gian khấu hao (năm)	6-25	2-12	3-12	6-12

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008).

▪ Mức lương bình quân

Thu nhập bình quân hàng tháng, của người lao động trong Công ty, năm 2007, là **1.854.155 đồng/người/tháng**. Thu nhập bình quân hàng tháng, của người lao động trong Công ty, năm 2008, là **2.500.000 đ/người**. Đây là mức thu nhập trung bình so với các doanh nghiệp trong ngành.

▪ Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và theo đúng cam kết các khoản nợ và khoản vay, không có nợ quá hạn. Hiện nay, công ty đang được các ngân hàng đánh giá cao về khả năng thanh toán lãi và vốn vay của mình.

▪ Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty luôn nộp đầy đủ và đúng thời hạn các khoản thuế theo quy định của Nhà nước, cũng như thực hiện đầy đủ các chính sách có liên quan đến người lao động.

▪ Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện trích lập các quỹ theo đúng Điều lệ Công ty, theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Cụ thể, mức trích lập các quỹ năm 2007 và 2008, như sau :

Bảng 9: Mức trích lập các quỹ của Công ty năm 2007 và 2008

Chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008
Quỹ đầu tư phát triển	-	3.182.459.083
Quỹ dự phòng tài chính	-	357.167.614
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.383.833.822	1.011.540.660
Tổng cộng	1.383.833.822	4.551.167.357

(Nguồn : Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2008).

▪ **Tổng dư nợ vay**

Bảng 10: Tình hình nợ vay của Công ty năm 2007, 2008

Nội dung vay	Dư nợ vay		
	31/12/2007	31/12/2008	30/09/2009
I. Vay và nợ ngắn hạn	321.577.581.743	317.841.983.617	371.341.932.771
▪ Văn phòng công ty	284.363.360.253	287.807.659.232	
- Tiền VNĐ	1.433.526.125	35.093.763.914	
+ Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam-CN Đà Nẵng	-	30.477.150.000	
+ Ngân hàng Ngoại thương Đà Nẵng	-	4.426.913.062	
+ Vay ngắn hạn khác	1.433.526.125	153.700.852	
- Tiền USD	282.929.834.128	252.713.895.318	
+ Ngân hàng Hàng hải Việt Nam-CN Đà Nẵng	32.477.923.509	24.085.278.728	
+ Ngân hàng Thương mại CP Kỹ Thương Đà Nẵng	7.980.814.641	4.436.429.640	

+ Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam-CN Đà Nẵng	135.143.450.235	129.820.394.701	
+ Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	52.747.961.688	69.739.460.764	
+ Ngân hàng Quốc tế	54.579.684.055	24.632.331.485	
▪ Công ty Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Thọ Quang	30.445.657.374	19.907.904.381	
- Tiền VNĐ	30.445.657.374	19.907.904.381	
+ Ngân hàng Vietcombank Đà Nẵng	18.471.693.040	7.622.281.661	
+ Chi nhánh ngân hàng Liên doanh VID Public	8.560.000.000	8.140.622.720	
+ CN Quỹ hỗ trợ Phát triển Đà Nẵng	3.413.964.334	4.145.000.000	
▪ Công ty Phát triển nguồn lợi thủy sản	6.768.564.116	10.126.420.004	
- Tiền VNĐ	6.768.564.116	8.425.067.742	
+Ngân hàng Công thương Ngũ Hành Sơn	6.563.737.487	8.420.241.113	
+Vay ngắn hạn đối tượng khác	204.826.629	4.826.629	
- Tiền USD	-	1.701.352.262	
+Ngân hàng Công thương Ngũ Hành Sơn	-	1.701.352.262	
II. Vay và nợ dài hạn	44.031.267.553	19.239.311.986	36.753.062.458
1. Vay dài hạn	34.048.077.081	11.596.114.232	
▪ Văn phòng công ty	19.695.663.929	-	
- Tiền VNĐ	19.695.663.929	-	
+ Ngân hàng Công thương Ngũ Hành Sơn	467.348.929	-	
+ Quỹ Hỗ trợ Phát triển Đà Nẵng	2.228.315.000	-	
+ Ngân hàng NN&PTNT Đà Nẵng	17.000.000.000	-	
▪ Công ty Phát triển nguồn lợi thủy sản	11.217.000.000	7.479.000.000	
- Tiền VNĐ	11.217.000.000	7.479.000.000	
+ Ngân hàng Công thương Ngũ Hành Sơn	11.217.000.000	7.479.000.000	

▪ Công ty chế biến và Xuất khẩu thủy sản Thọ Quang	3.135.413.152	4.117.114.232	
- Tiền VNĐ	2.818.973.472	3.881.473.472	
+ Ngân hàng VID Public	2.818.973.472	3.881.473.472	
- Tiền USD	316.439.680	235.640.760	
+ Ngân hàng VID Public	316.439.680	235.640.760	
2. Nợ dài hạn	9.983.190.472	7.643.197.754	
▪ Văn phòng công ty			
- Vay cán bộ công nhân viên	9.983.190.472	7.643.197.754	
Cộng	365.608.849.296	337.081.295.603	408.094.995.229

(Nguồn: Thuyết minh báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008).

Công ty không có nợ quá hạn

▪ **Tình hình công nợ hiện nay**

Bảng 11: Tình hình công nợ của Công ty năm 2007, 2008 và quý III năm 2009

Chỉ tiêu	31/12/2007	31/12/2008	30/09/2009
Các khoản phải thu	295.906.807.161	293.340.447.044	294.506.831.546
Phải thu của khách hàng	261.025.892.225	291.629.921.652	280.813.196.612
Trả trước cho người bán	17.697.862.508	24.055.595.017	34.426.864.280
Các khoản phải thu khác	19.076.470.125	1.946.810.641	-
Dự phòng các KPT khó đòi	(1.893.417.697)	(24.291.880.266)	(22.428.896.439)
Các khoản phải trả	466.478.750.146	392.775.299.517	477.363.248.263
1. Nợ ngắn hạn	422.447.482.593	373.185.264.659	440.257.465.765
- Vay và nợ ngắn hạn	321.577.581.743	317.841.983.617	371.341.932.771
- Phải trả cho người bán	58.360.986.384	30.455.317.906	34.093.014.882

- Người mua trả trước	22.960.451.658	2.133.895.024	2.901.942.099
- Thuế và các khoản phải nộp NN	10.662.197.312	9.363.297.894	13.037.933.387
- Phải trả người lao động	4.672.512.413	9.785.290.971	14.984.065.068
- Chi phí phải trả	521.110.172	440.164.484	1.387.094.493
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.692.642.911	3.165.314.763	2.511.483.065
- Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	-
2. Nợ dài hạn	44.031.267.553	19.590.034.858	37.105.782.498
- Vay và nợ dài hạn	44.031.267.553	19.239.311.986	36.753.062.458
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	350.722.872	352.720.040

(Nguồn: Thuyết minh Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008).

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu :

Bảng 12: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty năm 2007, 2008 và 9 tháng đầu năm 2009

Các chỉ tiêu tài chính	Đơn vị tính	Năm 2007	Năm 2008
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn :	Lần	1,04	1,03
$\frac{\text{Tài sản lưu động}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$	Lần		
+ Hệ số thanh toán nhanh:		0,80	0,86
$\frac{\text{Tài sản lưu động - Hàng tồn kho}}{\text{Nợ ngắn hạn}}$			
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số nợ / Tổng tài sản	Lần	0,88	0,82
	Lần	7,34	4,70

+ Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu			
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho : Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho	Vòng	11,28	20,41
+ Doanh thu thuần trên tổng tài sản : Doanh thu thuần Tổng tài sản	Vòng	2,30	3,75
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	0,59	0,51
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	11,49	10,94
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản (ROA)	%	1,35	1,90
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/ Doanh thu thuần	%	0,57	0,49

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008).

12. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

12.1 Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Họ và tên	TRẦN TẤN TÂM
Giới tính	Nam
Ngày sinh	02/12/1962
Nơi sinh	Bình Định, Thăng Bình, Quảng Nam
Số chứng minh nhân dân	200053580
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	80 Trần Quốc Toàn, Q.Hải Châu, Đà Nẵng

Trình độ văn hóa	Đại học
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán
Chức vụ hiện tại	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Đại diện phần vốn của Công ty CP XNK Thủy sản miền Trung tại Công ty CP Xây lắp Thủy sản Việt Nam - Chức vụ: Thành viên HĐQT
Quá trình công tác	- Tháng 02/1987 đến tháng 06/1989: Cán bộ chuyên quản tài chính Sở tài chính Quảng Nam Đà Nẵng - Tháng 07/1989 đến tháng 12/1990: Chuyên viên Kế toán Trung tâm Thương mại Xuất nhập khẩu thuộc công ty XNK Thủy sản miền Trung - Tháng 01/1991 đến tháng 03/1993: Phó kế toán trưởng Trung tâm Thương mại Xuất nhập khẩu thuộc Công ty XNK Thủy sản miền Trung - Tháng 04/1993 đến tháng 03/2004: Kế toán trưởng kiêm Trưởng ban Tài chính - Kế hoạch - Đầu tư Công ty XNK Thủy sản miền Trung - Tháng 04/2004 đến tháng 12/2006: Phó Giám đốc Công ty XNK Thủy sản miền Trung - Tháng 01/2007 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty XNK Thủy sản miền Trung
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	- Đại diện phần vốn Nhà nước: 1.845.294 cổ phần tương ứng 24,41%/vốn điều lệ

	- Cá nhân: 116.497 cổ phần tương ứng 1,54%/vốn điều lệ
Số lượng cổ phần của những người liên quan	Vợ, Trần Thị Kim Nga: 26.253 cổ phần
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch	Không

2. Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên	LÊ HỒNG SƠN
Giới tính	Nam
Ngày sinh	18/09/1958
Nơi sinh	Cánh Dương, Bồ Trạch, Quảng Bình
Số chứng minh nhân dân	200025757
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	76 Hải Phòng, Q.Hải Châu, Đà Nẵng
Trình độ văn hóa	Đại học
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kinh tế Công nghiệp
Chức vụ hiện tại	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	
Quá trình công tác	- Tháng 10/1978 đến tháng 11/1981: Bộ đội - Tháng 12/1981 đến tháng 01/1986: Sinh viên

- Tháng 02/1986 đến tháng 02/1990: Chuyên viên, công ty lương thực TW3
- Tháng 03/1990 đến tháng 12/1993: Chuyên viên, Xí nghiệp sản xuất bao bì thuộc Công ty XNK Thủy sản miền Trung
- Tháng 01/1994 đến tháng 12/1996: Chuyên viên, Trung tâm Thương mại XNK thuộc công ty XNK Thủy sản miền Trung
- Tháng 01/1997 đến tháng 03/1997: Chuyên viên, Công ty XNK Thủy sản miền Trung
- Tháng 04/1997 đến tháng 09/2004: Phó trưởng ban nhập khẩu công ty XNK Thủy sản miền Trung
- Tháng 10/2004 đến tháng 10/2005: Giám đốc chi nhánh Công ty XNK Thủy sản miền Trung tại Tp Hà Nội
- Tháng 11/2005 đến tháng 12/2006: Phó Giám đốc Công ty XNK Thủy sản miền Trung kiêm Giám đốc chi nhánh Công ty tại Tp Hà Nội
- Tháng 01/2007 đến tháng 12/2007: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty CP XNK Thủy sản miền Trung, kiêm Giám đốc chi nhánh Công ty CP XNK Thủy sản Miền Trung tại TP Hồ Chí Minh và Tp Hà Nội
- Tháng 01/2008 đến nay; Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty CP XNK Thủy sản miền Trung, kiêm Giám đốc Chi nhánh Công ty CP

	XNK Thủy sản miền Trung tại Hà Nội
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	- Đại diện phần vốn Nhà nước: 1.127.680 cổ phần tương ứng 14,92%/vốn điều lệ - Cá nhân: 57.357 cổ phần tương ứng 0,76%/vốn điều lệ
Số lượng cổ phần của những người liên quan	Vợ: Phan Thị Thu Hà: 105.890 cổ phần
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch	Không

3. Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên	NGUYỄN DUY DŨNG
Giới tính	Nam
Ngày sinh	23/9/1959
Nơi sinh	Hà Nội
Số chứng minh nhân dân	023149254
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Quê quán	Hà Nội
Địa chỉ thường trú	204/18 Nơ Trang Long, P.12, Bình Thạnh, Hồ Chí Minh

Trình độ văn hóa	Đại học
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế, chuyên ngành Tài chính công nghiệp
Chức vụ hiện tại	Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	- Trưởng Ban Kiểm soát Công ty CP Thủy sản số 5 - Đại diện phần vốn của Công ty CP XNK Thủy sản miền Trung tại công ty CP Thủy sản 584 Nha Trang
Quá trình công tác	- Tháng 05/1984 đến tháng 10/1989: Cán bộ thanh tra Tài chính TW thuộc Bộ Tài chính - Tháng 11/1989 đến tháng 11/1992: Chuyên viên Ban Tài chính công ty XNK Thủy sản Seaprodex - Tháng 04/1992 đến tháng 12/1996: Phó phòng Kế toán tài vụ Công ty XNK Thủy sản Hồ Chí Minh - Tháng 01/1997 đến tháng 07/1997: Trưởng phòng Kế toán tài vụ Công ty XNK Thủy sản Hồ Chí Minh - Tháng 08/1997 đến tháng 05/2001: Kế toán trưởng Công ty XNK Thủy sản Hồ Chí Minh - Tháng 06/2001 đến tháng 12/2001: Phó Giám đốc Công ty XNK Thủy sản Hồ Chí Minh - Tháng 01/2002 đến tháng 12/2006: Trưởng ban Tài chính kế toán Tổng Công ty Thủy sản miền Trung - Tháng 01/2007 đến nay: Thành viên HĐQT, Phó tổng Giám đốc Công ty CP XNK Thủy sản miền Trung - Tháng 01/2008 đến 30/06/2009: kiêm Giám đốc Chi nhánh Công ty tại TP Hồ Chí Minh

Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	Cá nhân: 35.546 cổ phần
Số lượng cổ phần của những người liên quan	Vợ: Nguyễn Thị Sang: 65.454 cổ phần
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch	Không

4. Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng

Họ và tên	THÁI BÁ NAM
Giới tính	Nam
Ngày sinh	22/12/1965
Nơi sinh	Điện Hòa, Điện Bàn, Quảng Nam
Số chứng minh nhân dân	200659401
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Lô 29 B2 đường 2/9, Q.Hải Châu, Đà Nẵng
Trình độ văn hóa	Đại học
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán
Chức vụ hiện tại	Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng
Chức vụ đang nắm giữ ở	Không

các tổ chức khác	
Quá trình công tác	- Từ tháng 01/1983 đến tháng 07/1988: Cán bộ kế toán Ngân hàng Điện Bàn, Quảng Nam - Từ tháng 08/1988 đến tháng 03/2002: Chuyên viên kế toán Công ty XNK Thủy sản miền Trung - Từ tháng 04/1997 đến tháng 12/2001: Kiểm kế toán trưởng Công ty xây lắp và DVXL Thủy sản miền Trung - Từ tháng 04/2002 đến tháng 03/2004: Phó kế toán trưởng Công ty XNK Thủy sản miền Trung - Từ tháng 04/2004 đến tháng 12/2006: Kế toán trưởng Công ty CP XNK Thủy sản miền Trung - Từ tháng 01/2007 đến nay: Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng kiêm Trưởng Ban Tài chính - Kế hoạch - Đầu tư Công ty CP XNK Thủy sản miền Trung, kiêm Giám đốc Công ty CB&XK Thủy sản Thọ Quang
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	- Đại diện phần vốn Nhà nước: 1.127.680 cổ phần tương ứng 14,92%/vốn điều lệ - Cá nhân: 31.929 cổ phần tương ứng 0,42%/vốn điều lệ
Số lượng cổ phần của những người liên quan	Vợ: Phạm Thị Xuân: 106.271 cổ phần
Các khoản nợ đối với Công	Không

ty	
Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch	Không

5. Ủy viên Hội đồng quản trị

Họ và tên	LÝ TIẾT DŨNG
Giới tính	Nam
Ngày sinh	05/06/1962
Nơi sinh	Đà Nẵng
Số chứng minh nhân dân	023629845
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	01 Lý Tự Trọng, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Trình độ văn hóa	Đại học
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Địa chất, Cử nhân Tin học
Chức vụ hiện tại	Thành viên HĐQT
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán Đà Nẵng
Quá trình công tác	- Từ năm 1984 đến năm 1988: Kỹ sư, Phân viện Quy hoạch Thủy lợi Nam bộ. - Từ năm 1988 đến năm 1990: Kỹ sư, Công ty XNK Tổng hợp 2 - Từ năm 1990 đến năm 1994: Phó phòng XNK, Công ty XNK Bao bì - Packsimex

	- Từ năm 1994 đến năm 2000: Phó Giám đốc Công ty TNHH Tam Quan - Từ năm 2000 đến nay: Giám đốc Công ty TNHH Bảo Duy - Từ tháng 01/2007 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty CP XNK Thủy sản miền Trung
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	Cá nhân: 212.356 cổ phần tương ứng 2,81%/ vốn điều lệ
Số lượng cổ phần của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch	Không

6. Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên	NGUYỄN DANH UY
Giới tính	Nam
Ngày sinh	22/05/1951
Nơi sinh	Thủy Hương, Kiến Thụy, Hải Phòng
Số chứng minh nhân dân	200883516
Quốc tịch	Việt Nam

Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	Tổ 6/01 Phường Vĩnh Trung, Q.Thanh Khê, Đà Nẵng
Trình độ văn hóa	Đại học
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Luật
Chức vụ hiện tại	Phó Tổng Giám đốc
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	- Từ tháng 12/1969 đến tháng 10/1974: Bộ đội - Từ tháng 11/1974 đến tháng 06/1975: Chuyển ngành, học tại Đại học Ngoại ngữ Hà Nội - Từ tháng 07/1975 đến tháng 11/1981: Học tại trường Tổng hợp Quốc gia Ki-Si-Nhốp (Liên Xô cũ) - Từ tháng 12/1981 đến tháng 03/1982: Chuyên viên phòng Pháp chế UBND tỉnh Quảng Nam Đà Nẵng - Từ tháng 04/1982 đến tháng 02/1989: Trưởng phòng, Sở Tư pháp Quảng Nam Đà Nẵng - Từ tháng 03/1989 đến tháng 04/1993: Chuyên viên văn phòng Công ty XNK Thủy sản miền Trung - Từ tháng 05/1993 đến tháng 03/2004: Chánh văn phòng Công ty XNK Thủy sản miền Trung - Từ tháng 04/2004 đến tháng 12/2006: Phó Giám đốc Công ty XNK Thủy sản miền Trung - Từ tháng 01/2007 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP XNK Thủy sản miền Trung

Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	Cá nhân: 5.000 cổ phần tương ứng 0,07%/ vốn điều lệ
Số lượng cổ phần của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch	Không

12.2 Ban kiểm soát

1. Trưởng ban kiểm soát

Họ và tên	NGUYỄN ANH TUẤN
Giới tính	Nam
Ngày sinh	31/12/1970
Nơi sinh	Quế Sơn, Quảng Nam
Số chứng minh nhân dân	201140935
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	H30/6 Phan Tứ, P.Mỹ An, Q.Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Trình độ văn hóa	Đại học
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Thống kê
Chức vụ hiện tại	Trưởng Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ ở	Không

các tổ chức khác	
Quá trình công tác	- Từ tháng 08/1994 đến tháng 04/1999: Chuyên viên phòng kế hoạch, Xí nghiệp Thủy sản 86 thuộc Công ty XNK Thủy sản miền Trung - Từ tháng 05/1999 đến tháng 09/2003: Phó phòng kế hoạch, Xí nghiệp Thủy sản 86 thuộc Công ty XNK Thủy sản miền Trung - Từ tháng 10/2003 đến tháng 12/2006: Trưởng phòng kế hoạch, Công ty CB&XK Thủy sản Thọ Quang thuộc Công ty XNK Thủy sản miền Trung - Từ tháng 11/2006 đến nay: Phó Giám đốc Công ty CB&XK Thủy sản Thọ Quang thuộc Công ty XNK Thủy sản miền Trung nay là Công ty CP XNK Thủy sản miền Trung - Từ tháng 01/2007 đến nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP XNK Thủy sản miền Trung
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Số lượng cổ phần nắm giữ	Cá nhân: 29.090 cổ phần tương ứng 0,38%/Vốn điều lệ
Số lượng cổ phần của những người liên quan	Vợ: Lê Thị Hoa: 580 cổ phần
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch	Không

2. Ủy viên Ban kiểm soát

Họ và tên	TRẦN PHƯỚC THÁI
Giới tính	Nam
Ngày sinh	08/04/1963
Nơi sinh	Điện Thắng, Điện Bàn, Quảng Nam
Số chứng minh nhân dân	200624493
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	25 Hùng Vương, P.Hải Châu 1, Q.Hải Châu, Đà Nẵng
Trình độ văn hóa	Đại học
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán - Tài chính
Chức vụ hiện tại	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Phó ban ĐMDN Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam
Quá trình công tác	- Từ tháng 10/1986 đến tháng 11/2005: Công tác tại Công ty Thủy sản Khu vực II - Từ tháng 12/2005 đến nay: Công tác tại Tổng Công ty Thủy sản Việt Nam - Từ tháng 01/2007 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP XNK Thủy sản miền Trung
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	Không

Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch	Không

3. Ủy viên Ban kiểm soát

Họ và tên	LÊ CÔNG TÔNG
Giới tính	Nam
Ngày sinh	10/09/1975
Nơi sinh	Khuê Trung, Hải Châu, Đà Nẵng
Số chứng minh nhân dân	201272558
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Địa chỉ thường trú	126 CM tháng 8, P.Khuê Trung, Q.Cẩm Lệ, Đà Nẵng
Trình độ văn hóa	Đại học
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế chuyên ngành Kế toán
Chức vụ hiện tại	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác	Không
Quá trình công tác	- Từ tháng 11/1998 đến tháng 12/2000: Kế toán thanh toán, Công ty Thuốc lá Đà Nẵng - Từ tháng 01/2001 đến tháng 01/2002: Kế toán tổng hợp, Chi nhánh Công ty Bảo vệ thực vật 1 - Từ tháng 02/2002 đến tháng 02/2003: Kế toán dự án, Tổ chức Tầm nhìn Thế giới Việt Nam

	- Từ tháng 03/2003 đến nay: Chuyên viên kế toán Công ty XNK Thủy sản miền Trung nay là Công ty CP XNK Thủy sản miền Trung - Từ tháng 01/2007 đến nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP XNK Thủy sản miền Trung
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân	Không
Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký giao dịch	Không

13. Tài sản

Tổng giá trị tài sản cố định thuộc quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thủy sản miền Trung, tại thời điểm 31/12/2008 là: **79.383.810.063 đồng**, chiếm tỷ lệ 16,67 % trong tổng giá trị tài sản của Công ty. Cụ thể như sau:

13.1 Tài sản cố định hữu hình

Bảng 13: Tài sản cố định hữu hình của Công ty cho đến 31/12/2008

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					

Ngày 01/01/2008	35.498.076.396	67.755.283.016	5.048.221.302	1.162.805.776	109.464.386.490
- Mua trong năm	776.135.598	6.777.491.121	2.177.467.536	216.407.218	9.947.501.473
- Giảm trong năm	138.964.456	75.454.176	352.603.543	24.518.000	591.540.175
Ngày 31/12/2008	36.135.247.538	74.457.319.961	6.873.085.295	1.354.694.994	118.820.347.788
Giá trị hao mòn lũy kế					
Ngày 01/01/2008	16.051.771.592	44.089.173.693	3.937.595.729	732.353.339	64.810.894.353
- Khấu hao trong năm	4.255.124.360	10.316.323.175	763.755.300	212.253.858	15.547.456.693
- Giảm trong năm	-	14.554.178	340.850.092	24.518.000	379.922.270
Ngày 31/12/2008	20.306.895.952	54.390.942.690	4.360.500.937	920.089.197	79.978.428.776
Giá trị còn lại					
Ngày 01/01/2008	19.446.304.804	23.666.109.323	1.110.625.573	430.452.437	44.653.492.137
Ngày 31/12/2008	15.828.351.586	20.006.377.271	2.512.584.358	434.605.797	38.841.919.012

(Nguồn : Thuyết minh Báo cáo tài chính kiểm toán Công ty năm 2008).

13.2 Tài sản cố định vô hình

Bảng 14: Tài sản cố định vô hình của Công ty cho đến 31/12/2008

Khoản mục	Chi phí san lấp mặt bằng	TSCĐ vô hình khác	Cộng
Nguyên giá			
Ngày 01/01/2008	2.201.899.071	29.855.142.060	32.057.041.131
- Mua trong năm	-	2.440.835.680	2.440.835.680
- Giảm khác	-	23.563.159.044	23.563.159.044
Ngày 31/12/2008	2.201.899.071	8.732.818.696	10.934.717.767
Giá trị hao mòn lũy kế			
Ngày 01/01/2008	2.192.790.668	-	2.192.792.668

- Khấu hao trong năm	9.108.403	-	9.108.403
- Giảm trong năm	-	-	-
Ngày 31/12/2008	2.201.899.071	-	2.201.899.071
Giá trị còn lại			
Ngày 01/01/2008	9.108.403	29.855.142.060	29.864.250.463
Ngày 31/12/2008	-	8.732.818.696	8.732.818.696

(Nguồn : Thuyết minh Báo cáo tài chính của Công ty năm 2008).

13.3 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Bảng 15: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty cho đến 31/12/2008

Khoản mục	01/01/2008	31/12/2008
Công ty Chế biến và Xuất nhập khẩu Thọ Quang	5.501.046.150	-
- Chi phí thẩm tra và thiết kế dự toán nhà xưởng cơ điện	1.206.364	-
- Dây chuyền IQF siêu tốc 500kg/giờ	5.499.839.786	-
Văn phòng công ty	34.545.454	31.809.072.355
- Nhà làm việc văn phòng Chi nhánh TPHCM	27.272.727	-
- Phân xưởng chế biến 3, Kho lạnh 800 tấn	7.272.727	31.809.072.355
Tổng số chi phí XDCB dở dang	5.535.591.604	31.809.072.355

(Nguồn : Thuyết minh Báo cáo tài chính kiểm toán Công ty năm 2008).

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

Dựa trên những dự báo về tiềm năng phát triển của nền kinh tế nói chung và ngành Xuất nhập khẩu Thủy sản nói riêng, trong những năm sắp tới, định hướng phát triển Ngành cùng với đánh giá điểm mạnh, điểm yếu và vị thế hiện tại của mình, Công ty đã đưa ra kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức cho năm 2009 - 2011, như sau:

Bảng 16: Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận, cổ tức của Công ty từ năm 2009 - 2011

Chỉ tiêu	Năm 2009		Năm 2010		Năm 2011	
	Triệu đồng	% tăng giảm so với năm	Triệu đồng	% tăng giảm so với năm	Triệu đồng	% tăng giảm so với năm

		2008		2009		2010
1. Vốn điều lệ	75.600	-	80.000	5,82	80.000	-
2. Tổng doanh thu	1.150.000	(11,54)	1.064.000	(7,48)	993.000	(6,67)
2.1 Xuất khẩu (USD)	22.000.000	18,92	18.500.000	(15,91)	19.000.000	2,70
2.2 Nhập khẩu (USD)	37.000.000		35.000.000	(5,41)	30.000.000	(14,29)
2.3 KD vật tư trong nước	44.800		50.000	11,61	55.000	10,00
2.4 Sản xuất khác	43.200	(14,21)	51.000	18,06	55.300	8,43
Trong đó:						
- Giá trị tiêu thụ thức ăn nuôi tôm	30.200		38.000	25,83	41.300	8,68
- Sản lượng tiêu thụ thức ăn nuôi (tấn)	2.300		2.300	-	2.500	8,70
- Giá trị kinh doanh kho vận	13.000		13.000	-	14.000	7,69
3. Lợi nhuận trước thuế	12.000	-	11.000	(8,33)	14.000	27,27
4. Lợi nhuận sau thuế	9.000	(25,00)	8.250	(8,33)	10.500	27,27
5. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn điều lệ (%)	11,90		10,31		13,13	
6. Thu nhập bình quân (1000đ/người/tháng)	2.200	17,65	2.500	13,64	2.700	8,00
7. Tổng lợi nhuận chia cổ tức	4.536		8.000	76,37	8.800	10,00
8. Tỷ lệ cổ tức/ mệnh giá (%)	6,00		10,00		11,00	

(Nguồn: Theo báo cáo của Công ty Cổ phần XNK Thủy sản miền Trung).

Những căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức:

Sự phát triển ổn định của nền kinh tế Việt Nam tạo nhiều cơ hội cũng như thách thức mới đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức của Công ty được tính toán dựa trên các cơ sở sau:

- Kết quả sản xuất kinh doanh trong các năm qua, đặc biệt từ khi chuyển thành Công ty cổ phần;

- Các ưu đãi do chính sách nhà nước mang lại;
- Nguồn cung cấp nguyên liệu dần ổn định, tạo điều kiện cho Công ty trong việc kiểm soát chi phí đầu vào và giá thành sản phẩm;
- Năng lực chế biến của phân xưởng, tay nghề công nhân, trang thiết bị công nghệ đồng bộ, khả năng quản lý hiệu quả;
- Kế hoạch trong năm các năm tiếp theo là đầu tư mới phân xưởng chế biến số và kho bảo quản lạnh, đầu tư nâng cấp trang thiết bị công nghệ chế biến.

Bên cạnh đó, để có thể đạt được kế hoạch lợi nhuận, cổ tức nói trên, ban lãnh đạo công ty đã xây dựng chiến lược sản xuất kinh doanh trong giai đoạn tới (năm 2009 - 2011)

- Từng bước nâng cao uy tín Công ty với bạn hàng trong nước và nước ngoài, xây dựng lại mạng lưới khách hàng, mở rộng thị trường xuất khẩu, phát triển thị trường nội địa, đa dạng hoá hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tập trung kinh doanh trực tiếp các mặt hàng thủy sản phục vụ cho nội địa và xuất khẩu tại chỗ, đặt biệt là các mặt hàng thủy sản cao cấp, ăn liền, giới thiệu các sản phẩm thủy sản mới, đa dạng các mặt hàng kinh doanh khác như vật tư - hàng hoá, nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường.
- Đẩy mạnh hoạt động sản xuất chế biến thủy sản, thức ăn nuôi tôm, kinh doanh kho vận, hợp tác với các đơn vị trong và ngoài nước để nâng cao chất lượng sản phẩm, đa dạng thêm mặt hàng sản xuất như thức ăn nuôi cá và các thức ăn nuôi thủy sản khác, mở rộng mạng lưới dịch vụ và cung ứng các vật tư cho nuôi trồng thủy sản.
- Xây dựng chiến lược sản phẩm trên cơ sở nắm bắt kịp thời nhu cầu, thị hiếu người tiêu dùng, tập trung ưu tiên cho những mặt hàng giá trị gia tăng, đẩy mạnh kinh doanh đa dạng, tổng hợp.
- Xây dựng chiến lược về nguồn nguyên liệu, hợp tác chặt chẽ với người nuôi, các nhà đầu tư chiến lược, các nậu vừa (nhà cung cấp nguyên liệu đầu vào). Đồng thời, Công ty có chính sách cụ thể với các nhà cung cấp ổn định, lâu dài, đảm bảo nguồn

nguyên liệu ổn định cho sản xuất, nghiên cứu và áp dụng việc nhập nguyên liệu từ nước ngoài.

- Xây dựng chiến lược về tài chính và vốn trên cơ sở giữ vững uy tín với các tổ chức ngân hàng, nâng cao hiệu quả công tác quản lý vốn nhằm nâng cao vòng quay vốn, thiết lập mối quan hệ với nhà đầu tư chiến lược và các bạn hàng có thể mạnh về tài chính để tranh thủ nguồn vốn, sau khi sản xuất ổn định sẽ phát hành thêm cổ phiếu để thu hút vốn, tham gia niêm yết tại thị trường chứng khoán.

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa được thực hiện của tổ chức đăng ký giao dịch

Không có

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty

Không có

V. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. **Loại chứng khoán** : Cổ phiếu phổ thông.
2. **Mệnh giá** : 10.000 đồng/ 1 cổ phiếu.
3. **Tổng số chứng khoán đăng ký giao dịch** : 7.560.000 cổ phiếu.
4. **Phương pháp tính giá**

Giá trị sổ sách 1 cổ phần được tính theo mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần tại ngày 30/09/2009 là:

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách} &= \frac{\text{Nguồn vốn CSH - Nguồn kinh phí, quỹ khác}}{\text{Tổng số cổ phiếu - Cổ phiếu quỹ}} = \frac{87.116.263.939}{7.560.000} \\ &= 11.523 \text{ đồng} \end{aligned}$$

5. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Theo Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg, ngày 15/04/2009, của Thủ tướng Chính phủ quy định tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, trong đó nhà đầu tư nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của công ty cổ phần đại chúng.

6. Các loại thuế có liên quan

▪ Về thuế Giá trị gia tăng

Công ty thực hiện việc kê khai và hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ:

- Thuế suất thuế GTGT đầu ra là 0% đối với doanh thu về hoạt động xuất khẩu hải sản.
- Thuế suất thuế GTGT đầu ra là 5% đối với bán hải sản trong nước, thức ăn tôm, thép.
- Thuế suất thuế GTGT đầu ra là 10% đối với doanh thu về hoạt động bán vật tư hàng hóa khác.

▪ Về thuế Thu nhập Doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 28% trên lợi nhuận chịu thuế. Công ty hiện đang được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm theo quy định tại Thông tư số 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 của Bộ Tài chính.

Năm 2007, 2008 là 2 năm Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

▪ **Các loại thuế khác**

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định của Nhà nước.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Tổ chức đăng ký giao dịch

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

Trụ sở : 261 - 263 Phan Châu Trinh - Thành phố Đà Nẵng - Việt Nam

Điện thoại : 0511 3.821 436 - 3.824 515

Fax : 0511 3.823 769 - 3.824 778

Website : www.seadanang.com.vn

2. Tổ chức cam kết hỗ trợ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÀ NẴNG

Trụ sở : 102 Nguyễn Thị Minh Khai - Thành phố Đà Nẵng

Điện thoại : 0511 3.888 456

Fax : 0511 3.888 459

Website : www.dnsc.com.vn

3. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Trụ sở : Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - Số 165 đường Cầu Giấy, Q.Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại : 04 6267 0491 - 04 6267 0492 - 04 6267 0493

Fax : 04 6267 0494

Website : www.vae.com.vn

VII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I: Bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh**
2. **Phụ lục II: Điều lệ Công ty**
3. **Phụ lục III: Các báo cáo tài chính kiểm toán năm 2007, 2008**
4. **Phụ lục IV: Sơ yếu lý lịch thành viên HĐQT, BKS, BGĐ, Kế toán trưởng**
5. **Phụ lục V: Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2008, 2009**
6. **Phụ lục VI: Báo cáo về sở hữu cổ đông lớn**
7. **Phụ lục VII: Nghị quyết HĐQT**
8. **Phụ lục VIII: Các tài liệu khác**

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 12 năm 2009

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU THỦY SẢN MIỀN TRUNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ KIỂM TÔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN TẤN TÂM

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

THÁI BÁ NAM

NGUYỄN ANH TUẤN

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CAM KẾT HỖ TRỢ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐÀ NẴNG
GIÁM ĐỐC KHỐI TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP**

NGUYỄN TẤN TIỂU

DANH MỤC BẢNG BIỂU

TRANG

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty	21
Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ	21
Bảng 3: Bảng cơ cấu cổ đông Công ty cho đến 10/12/2009	22
Bảng 4: Doanh thu sản phẩm dịch vụ của Công ty năm 2008 và 9 tháng đầu năm 2009	23
Bảng 5: Lợi nhuận sản phẩm dịch vụ của Công ty năm 2007 và 9 tháng đầu năm 2009	23
Bảng 6: Các chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2007, 2008 và 9 tháng đầu năm 2009	25
Bảng 7: Phân loại lao động trong Công ty cho đến 30/09/2009	29
Bảng 8: Tỷ lệ cổ tức và EPS của Công ty năm 2007, 2008	32
Bảng 9: Mức trích lập các quỹ của Công ty năm 2008	33
Bảng 10: Tình hình nợ vay của Công ty năm 2007, 2008	34
Bảng 11: Tình hình công nợ của Công ty năm 2007, 2008 và quý III năm 2009	36
Bảng 12: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty năm 2007, 2008 và 9 tháng đầu năm 2009	37
Bảng 13: Tài sản cố định hữu hình của Công ty cho đến 31/12/2008	53
Bảng 14: Tài sản cố định vô hình của Công ty cho đến 31/12/2008	54
Bảng 15: Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty cho đến 31/12/2008	55
Bảng 16: Kế hoạch kinh doanh, lợi nhuận, cổ tức của Công ty từ năm 2010 - 2012	55